

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 31/03/2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về “ Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1993; ĐKKHKT và trú tại: xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1991; ĐKKHKT và trú tại: xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Bùi Thị T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: chị và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã K năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng lối sống, quan điểm sống. Anh D thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vậy vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2013, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung và tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn Lê Văn D trong các biên bản sự việc ngày 19/01/2021 và 16/02/2021 thể hiện:

Anh xác nhận điều kiện, thời gian kết hôn như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chỉ chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh D tại xóm 2, xã K 1 ngày

thì đi làm ăn xa. Do quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân được 8 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh không nhất trí và cũng không quan tâm vì anh là người theo đạo Thiên Chúa. Anh không tham gia vào quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Lê Văn D; chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Lê Văn D, cư trú tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn đều được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Lê Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND K, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn

Theo chị T, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh D thường chửi bới đánh đập chị. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Về phía anh D, anh không nêu rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là gì, cũng không phản đối ý kiến của chị T. Anh chỉ xác định vợ chồng đã sống ly thân 8 năm, không thể quay về chung sống với nhau được nữa nhưng bản thân anh là người theo đạo Thiên Chúa, không được phép ly hôn nên đối với yêu cầu của chị T anh không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn

Xác minh tình trạng hôn nhân của anh D và chị T tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận anh D và chị T có xảy ra mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân là gì, chỉ biết anh chị không còn chung sống với nhau nữa.

Như vậy có đủ căn cứ xác định giữa chị T và anh D trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về tính cách quan điểm sống. Mặc dù vợ chồng và gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không khắc phục được, dẫn đến vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa; cả chị T và anh D đều xác định không thể quay về chung sống với nhau được nữa.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh D, chị T hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh D giải quyết ly hôn chị T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung và tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Lê Văn D đều xác định không có con chung, không có tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Lê Văn D.

2/ Về án phí: chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2510 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh